Phụ lục I

PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ MUA SẮM TẬP TRUNG THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN TRANG BỊ CHO CÁC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 1700 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	**CHI PHÍ THIẾT BỊ LÀM TRÒN SỐ**				**17.489.000.000**	
	CHI PHÍ THIẾT BỊ				**17.488.280.000**	
1	Cấp Tiểu học	Phòng	28	260.000.000	7.280.000.000	Báo giá ngày 11/8/2026 của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Sản xuất Tân Thịnh, địa chỉ: Lô TT3, dãy B ô số 7 Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Thành phố Hà Nội.
2	Cấp THCS	Phòng	24	425.345.000	10.208.280.000	
II	**CHI PHÍ KHÁC**				**285.000.000**	
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu				70.000.000	Theo Báo giá ngày 23/3/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Đấu thầu Qua mạng Quốc gia, địa chỉ: NO07D-LK05 khu đất dịch vụ Vạn Phúc, phường Hà Đông - Hà Nội (Tính theo tỷ lệ0,4% x giá gói thầu, làm tròn số)

2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu				35.000.000	Theo Báo giá ngày 23/3/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thương mại dịch vụ HLD, địa chỉ: số 06, ngõ 3, thôn Dư Xá, xã Hòa Xá, Thành phố Hà Nội, tính theo tỷ lệ báo giá 0,2% x giá gói thầu
3	Chi phí thẩm định giá				180.000.000	Theo đơn vị đề nghị.
	Tổng cộng:				**17.773.280.000**	
	Tổng cộng làm tròn số				**17.774.000.000**	

Phụ lục II

DANH MỤC THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN CÔNG NGHỆ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Quyết định số: 1700 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức/01 phòng	Khối lượng 1 bộ	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN CÔNG NGHỆ - CẤP THCS**						
1	Bàn thí nghiệm giáo viên	bộ	1	1	12.500.000	12.500.000	Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Báo giá ngày 11/8/2026 của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Sản xuất Tân Thịnh, địa chỉ: Lô TT3, dãy B ô số 7 Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Thành phố Hà Nội.
2	Bàn thí nghiệm cho Học sinh Công nghệ	bộ	45HS/lớp, 6HS/bàn	8	15.200.000	121.600.000	
3	Ghế thí nghiệm học sinh	cái	45HS + 1GV	46	450.000	20.700.000	
4	Bảng trượt	cái	1	1	9.200.000	9.200.000	
5	Tủ thuốc y tế	bộ	1	1	1.500.000	1.500.000	
6	Hệ thống điện chuyên dụng (Bộ điều khiển trung tâm)	bộ	1	1	12.000.000	12.000.000	
7	Hệ thống thoát khí thải, mùi và hơi độc (Quạt hút khí độc)	bộ	1	1	5.200.000	5.200.000	
8	Máy tính để bàn	Bộ	1	1	19.800.000	19.800.000	
8.1	Win bản quyền vĩnh viễn	Bộ	1	1	1.500.000	1.500.000	
8.2	Office bản quyền 1 năm	Bộ	1	1	1.000.000	1.000.000	
9	Ti vi 65 inch	Chiếc	1	1	22.500.000	22.500.000	
10	Giá treo ti vi+ Dây HDMI+ vật tư phụ kiện, công lắp đặt	cái	1	1	550.000	550.000	
11	Bàn (Bàn chuẩn bị thí nghiệm)	Bộ	1	1	7.800.000	7.800.000	

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức/01 phòng	Khối lượng 1 bộ	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
12	Chậu rửa phòng thí nghiêm (Hệ thống chậu rửa, vòi nước chuyên dùng)	bộ	1	1	6.800.000	6.800.000	
13	Giá để thiết bị (Giá đỡ chuyên dùng)	bộ	1	2	3.500.000	7.000.000	
14	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm (Tủ)	bộ	1	2	4.500.000	9.000.000	
15	Lắp đặt phòng thí nghiệm công nghệ + phụ kiện	Phòng	1	1	12.000.000	12.000.000	
16	Bộ vật liệu cơ khí	Bộ	04/PHBM	4	2.200.000	8.800.000	Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; Báo giá ngày 11/8/2026 của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Sản xuất Tân Thịnh, địa chỉ Lô TT3, dãy B ô số 7 Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Thành phố Hà Nội.
17	Bộ dụng cụ cơ khí	Bộ	04/PHBM	4	2.700.000	10.800.000	
18	Bộ thiết bị cơ khí cỡ nhỏ	Bộ	01/PHBM	1	17.000.000	17.000.000	
19	Bộ vật liệu điện	Bộ	04/PHBM	4	2.550.000	10.200.000	
20	Bộ dụng cụ điện	Bộ	04/PHBM	4	3.230.000	12.920.000	
21	Dụng cụ đo các đại lượng không điện.	Bộ	01/PHBM	1	73.600.000	73.600.000	
22	Bộ công cụ phát triển ứng dụng dựa trên vi điều khiển	Bộ	02/PHBM	2	4.650.000	9.300.000	
23	Biến áp nguồn	Bộ	04/PHBM	4	1.950.000	7.800.000	
24	Găng tay bảo hộ lao động	Cái	01/HS/ PHBM	45	25.000	1.125.000	
25	Kính bảo hộ	Cái	01/HS/ PHBM	45	70.000	3.150.000	
	Tổng cộng:					**425.345.000**	

Phụ lục III

DANH MỤC THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC- CÔNG NGHỆ CẤP TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 1700 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức/01 phòng	Khối lượng 1 bộ	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC- CÔNG NGHỆ CẤP TIỂU HỌC**						
I.1	**Thiết bị phòng học**						
1	Bàn thí nghiệm giáo viên	bộ	1	1	11.500.000	11.500.000	Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Báo giá ngày 11/8/2026 của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Sản xuất Tân Thịnh, địa chỉ: Lô TT3, dãy B ô số 7 Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Thành phố Hà Nội.
2	Bàn thí nghiệm cho Học sinh	bộ	35 HS/lớp, 6 HS/bàn	6	14.500.000	87.000.000	
3	Ghế thí nghiệm học sinh	cái	35 HS + 1 GV	36	450.000	16.200.000	
4	Bảng trượt	cái	1	1	9.200.000	9.200.000	
5	Tủ thuốc y tế	bộ	1	1	1.500.000	1.500.000	
6	Hệ thống điện chuyên dụng (Bộ điều khiển trung tâm)	bộ	1	1	12.000.000	12.000.000	
7	Máy tính để bàn	Bộ	1	1	19.800.000	19.800.000	
7.1	Win bản quyền vĩnh viễn	Bộ	1	1	1.500.000	1.500.000	
7.2	Office bản quyền 1 năm	Bộ	1	1	1.000.000	1.000.000	
8	Ti vi 65 inch	Chiếc	1	1	22.500.000	22.500.000	
9	Giá treo ti vi+ Dây HDMI+ vật tư phụ kiện, công lắp đặt	cái	1	1	550.000	550.000	
10	Bàn (Bàn chuẩn bị thí nghiệm)	Bộ	1	1	7.800.000	7.800.000	

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức/01 phòng	Khối lượng 1 bộ	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
11	Giá để thiết bị (Giá đỡ chuyên dùng)	bộ	1	2	3.500.000	7.000.000	
12	Tủ đựng dụng cụ thí nghiệm (Tủ)	bộ	1	2	4.500.000	9.000.000	
13	Lắp đặt phòng thí nghiệm khoa học- công nghệ+ phụ kiện	Phòng	1	1	9.815.000	9.815.000	
I.2	**Thiết bị môn Khoa học**						
1	Hộp đối lưu	Bộ	05/PHBM	5	880.000	4.400.000	Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Báo giá ngày 11/8/2026 của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Sản xuất Tân Thịnh, địa chỉ: Lô TT3, dãy B ô số 7 Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Thành phố Hà Nội.
2	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	Bộ	05/PHBM	5	220.000	1.100.000	
3	Hộp thí nghiệm "Vai trò của ánh sáng"	Bộ	05/PHBM	5	360.000	1.800.000	
4	Bộ lắp mạch điện đơn giản	Bộ	05/PHBM	5	155.000	775.000	
5	Mô hình phát điện sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió hoặc năng lượng nước chảy	Bộ	05/PHBM	5	1.350.000	6.750.000	
6	Nhiệt kế	Cái	05/PHBM	5	40.000	200.000	
7	Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể	Cái	05/PHBM	5	520.000	2.600.000	
8	Kính lúp	Chiếc	05/PHBM	5	32.000	160.000	
I.3	**Thiết bị môn Công nghệ**						
1	Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật	Bộ	20/PHBM	20	350.000	7.000.000	
2	Bộ dụng cụ thủ công	Bộ	20/PHBM	20	160.000	3.200.000	
3	Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây cảnh	Bộ	Bộ	1	2.250.000	2.250.000	
4	Máy thu thanh	Bộ	05/PHBM	5	2.680.000	13.400.000	
	Tổng cộng:					**260.000.000**	

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức/01 phòng	Khối lượng 1 bộ	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú

-

Phụ lục IV

NHU CẦU MUA SẮM PHÒNG HỌC BỘ MÔN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1700 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị		Theo Phương án số 83/PA-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sắp xếp cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Cấp Tiểu học	Cấp THCS
				Phòng bộ môn Khoa học - Công nghệ (sử dụng chung cho môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Công nghệ)	Phòng bộ môn Công nghệ
1	**Xã Hưng vũ**	Trường PTDTBT TH2 Trấn Yên	Sáp nhập và đổi tên thành trường TH Hưng Vũ	1	
2	**Xã Tân Tri**	Trường PTDTBT TH&THCS Vạn Thủy	Không thay đổi	1	1
3	**Xã Tân Văn**	Trường PTDTBT TH&THCS Bình La	Không thay đổi	1	1
		Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái	Không thay đổi	1	1
4	**Xã Bình Gia**	Trường PTDTBT TH&THCS Mông Ân	Không thay đổi	1	1
5	**Xã Hồng Phong**	Trường PTDTBT TH Hồng Phong	Sáp nhập thêm trường TH Minh Khai và giữ nguyên tên là Trường PTDTBT TH Hồng Phong	1	
6	**Xã Hoa Thám**	Trường PTDTBT TH Hoa Thám	Sáp nhập thêm trường PTDTBT TH Hưng Đạo và giữ nguyên tên	1	
		Trường PTDTBT THCS Hưng Đạo	Sáp nhập vào trường PTDTBT TH Hoa Thám và đổi tên thành trường PTDTBT TH Hoa Thám		1
7	**Xã Quý Hoà**	Trường PTDTBT TH&THCS Quý Hòa	Sáp nhập thêm trường PTDTBT TH&THCS Vĩnh Yên và giữ nguyên tên là Trường PTDTBT TH&THCS Quý Hoà	1	1
		Trường PTDTBT TH&THCS Vĩnh Yên	Sáp nhập vào trường PTDTBT TH&THCS Quý Hoà và đổi tên thành trường PTDTBT TH&THCS Quý Hoà	1	1
8	**Xã Thiện Hoà**	Trường PTDTBT TH Thiện Hoà	Sáp nhập thêm trường PTDTBT TH Yên Lỗ và giữ nguyên tên là Trường PTDTBT TH Thiện Hoà	1	
		Trường PTDTBT TH Yên Lỗ	Sáp nhập với trường PTDTBT TH Tân Tiến và đổi tên là trường PTDTBT TH Yên Lỗ	1	
		Trường PTDTBT TH Tân Tiến	Sáp nhập với trường PTDTBT TH Tân Tiến và đổi tên là trường PTDTBT TH Yên Lỗ	1	

STT	Tên đơn vị		Theo Phương án số 83/PA-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sắp xếp cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Cấp Tiểu học	Cấp THCS
				Phòng bộ môn Khoa học - Công nghệ (sử dụng chung cho môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Công nghệ)	Phòng bộ môn Công nghệ
		Trường PTDTBT THCS Thiện Hoà	Sáp nhập thêm trường PTDTBT THCS Yên Lỗ và giữ nguyên tên là Trường PTDTBT TH Thiện Hoà		1
		Trường PTDTBT THCS Yên Lỗ	Sáp nhập vào trường PTDTBT THCS Thiện Hoà và đổi tên là trường PTDTBT THCS Thiện Hoà		1
9	**Xã Cao Lộc**	Trường PTDTBT TH&THCS Thanh Lòa	Sáp nhập Trường TH Thạch Đạn, Trường PTDTBT THCS Thạch Đạn, Trường PTDTBT TH&THCS Thanh Loà, Trường PTDTBT TH&THCS Lộc Yên thành Trường PTNT TH&THCS Cao Lộc	1	1
		Trường PTDTBT TH&THCS Lộc Yên	Sáp nhập Trường TH Thạch Đạn, Trường PTDTBT THCS Thạch Đạn, Trường PTDTBT TH&THCS Thanh Loà, Trường PTDTBT TH&THCS Lộc Yên thành Trường PTNT TH&THCS Cao Lộc	1	1
10	**Xã Công Sơn**	Trường PTDTBT TH-THCS Công Sơn	Không thay đổi	1	1
11	**Xã Văn Lãng**	Trường PTDTBT TH Bắc La	Sáp nhập Trường PTDTBT Tiểu học Bắc La với Trường PTDTBT THCS Bắc La thành Trường PTDTBT TH&THCS Bắc La	1	
12	**Xã Xuân Dương**	Trường PTDT bán trú Tiểu học Ái Quốc	Sáp nhập Trường PTDTBT Tiểu học Ái Quốc và Trường PTDTBT TH&THCS Ái Quốc thành Trường PTDTBT TH&THCS Ái Quốc	1	
		Trường PTDT TH&THCS Ái Quốc	Sáp nhập Trường PTDTBT Tiểu học Ái Quốc và Trường PTDTBT TH&THCS Ái Quốc thành Trường PTDTBT TH&THCS Ái Quốc	1	1
		Trường PTDT bán trú TH&THCS Xuân Dương	Không thay đổi	1	1
13	**Xã Chiến Thắng**	Trường PTDTBT THCS Vân An	Không thay đổi		1

STT	Tên đơn vị		Theo Phương án số 83/PA-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sắp xếp cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Cấp Tiểu học	Cấp THCS
				Phòng bộ môn Khoa học - Công nghệ (sử dụng chung cho môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Công nghệ)	Phòng bộ môn Công nghệ
14	**Xã Quan Sơn**	Trường PTDTBT THCS Hữu Kiên	Sáp nhập Trường PTDTBT Tiểu học 1 Hữu Kiên và Trường PTDTBT Tiểu học 2 Hữu Kiên và Trường PTDTBT THCS Hữu Kiên thành Trường PTDTBT TH&THCS Hữu Kiên		1
15	**Xã Khánh Khê**	Trường: PTDTBT THCS Xuân Long	Sáp nhập các Trường: PTDTBT THCS Xuân Long, cấp THCS của các Trường TH&THCS Tràng Các, TH&THCS Đồng giáp thành Trường THCS Xuân Long		1
16	**Xã Tri Lễ**	Trường PTDTBT TH1 Tri Lễ	Sáp nhập Trường PTDTBT Tiểu học 1 Tri Lễ, Trường PTDTBT Tiểu học 2 Tri Lễ, Trường Tiểu học Lương Năng thành Trường PTDTBT TH Tri Lễ	1	
		Trường PTDTBT TH2 Tri Lễ	Sáp nhập Trường PTDTBT Tiểu học 1 Tri Lễ, Trường PTDTBT Tiểu học 2 Tri Lễ, Trường Tiểu học Lương Năng thành Trường PTDTBT TH Tri Lễ	1	
		Trường PTDTBT THCS Tri Lễ	Sáp nhập Trường PTDTBT THCS Tri Lễ, Trường THCS Lương Năng thành Trường PTDTBT THCS Tri Lễ.		1
		Trường PTDTBT TH&THCS Hữu Lễ	Không thay đổi	1	1
17	**Xã Điềm He**	Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội	Sáp nhập Trường TH&THCS Liên Hội với Trường PTDTBT TH&THCS Liên Hội thành TH&THCS Liên Hội	1	1
		Trường PTDTBT TH&THCS Điềm He	Không thay đổi	1	1
18	**Xã Thái Bình**	Trường PTDTBT Tiểu học II Thái Bình	Sáp nhập Trường Tiểu học Nông Trường Thái Bình, Tiểu học I Thái Bình, PTDTBT Tiểu học II Thái Bình thành Trường Tiểu học Nông Trường Thái Bình	1	
19	**Xã Thất Khê**	Trường PTDTBT TH&THCS Chí Minh	Tách cấp TH vào TH vào trường TH Chi Lăng, cấp THCS vào THCS Chi Lăng	1	1
20	**Xã Tân Tiến**	Trường PTDTBT TH, THCS Tân Yên	Không thay đổi	1	1
		Trường PTDTBT TH,THCS Bắc Ái	Không thay đổi	1	1
		TỔNG CỘNG		**28**	**24**